TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **33**/2022/HC-PT
Ngày: 25-02-2022
"V/v:"Khiếu kiện quyết định hành chính,hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Cường**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Tấn Trường**

Ông **Phạm Tồn**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Phạm Minh Hoàng**, thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên toà*: Ông **Đinh Văn Chánh** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 297/2020/TLPT-HC ngày 14 tháng 10 năm 2020, về việc*: "Khiếu kiện quyết định hành chính, trong lĩnh vực quản lý đất đai"*. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 55/2021/HC-ST ngày 05/8/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 942/2022/QĐ-HC ngày 14 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

- **Người khởi kiện:** Ông **Trần Văn L**, sinh năm: 1933.

Địa chỉ: Số 570 đường T, khối phố N, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư **Trần Văn H** – Văn phòng Luật sư T, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Ngãi. Địa chỉ: tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

- Người bị kiện:

1. **Chủ tịch và Ủy ban nhân dân thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam;**

Địa chỉ: thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần U – Chức vụ: Chủ tịch

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Xuân H** – Chức vụ: Phó

Chủ tịch, vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

- Ông **Nguyễn Thanh V** - Trưởng Phòng Tài nguyên – Môi trường thị xã Đ, vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ông **Đoàn Ngọc V** – Giám đốc Trung tâm Phát triển Qũy đất thị xã Đ, có mặt.

2. **Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.**

Địa chỉ: phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.(Vắng nhưng có văn bản đề nghị Toà án xét xử vắng mặt- Công văn số 19/UBND ngày 23/2/2022 do Chủ tịch UBND phường Đ ký).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà **Đoàn Thị L**, sinh năm 1948; địa chỉ: Số 570 đường T, khối phố N, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người khởi kiện ông Trần Văn L trình bày:

Ngày 19/6/2015 UBND Đ ban hành Quyết định số 4060/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ chi tiết cho hộ ông Trần Văn L để giải phóng mặt bằng dự án xây dựng tuyến đường trục chính mới N – Đ. Việc UBND thị xã Đ thu hồi, bồi thường 367,9 m^2 tại thửa đất số 282, tờ bản đồ số 5, tại khối phố G, phường Đ là đất màu chứ không phải là đất nhà thờ là không hợp lý, ảnh hưởng đến quyền lợi của ông L, nên ông L đã khiếu nại lên Chủ tịch UBND phường Đ thì Chủ tịch UBND phường ban hành Quyết định số 169/QĐ-UBND ngày 20/6/2018 để giải quyết khiếu nại trường hợp của gia đình ông L, tuy nhiên không đồng ý với cách giải quyết này nên ông L tiếp tục khiếu nại lên Chủ tịch UBND thị xã Đ thì được giải quyết bằng Quyết định số 11109/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 nhưng tại Quyết định này UBND thị xã Đ vẫn không công nhận diện tích đất trên của ông là đất nhà thờ.

Trên thửa đất từ năm 1975 có nhà của bà Lê Thị Đ (bà nội ông Trần Văn L), thời điểm thu hồi đất có nền móng nhà của bà Đ. Việc UBND phường Đ và UBND thị xã Đ cho rằng trên đất không có vật kiến trúc là không đúng. Thời điểm thu hồi đất UBND thị xã Đ không lấy ý kiến khu dân cư về nguồn gốc và chủ sử dụng đất. Việc ban hành các quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND phường Đ và Chủ tịch UBND thị xã không xác minh của người dân địa phương là không đúng trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Ông Trần Văn L cung cấp 11 chứng cứ thể hiện lô đất ở của bà nội của ông có đầy đủ chứng cứ, nguồn gốc đất, có nền móng, có ranh giới, có kê khai đăng ký sau giải phóng có phát dọn, có chủ sở hữu lô đất từ năm 1975 không ai tranh chấp. Như vậy, từ

năm 1975 về trước, UBND phường và UBND thị xã công nhận là đất của bà Lê Thị Đ, từ sau năm 1975 đến ngày san ủi, nhưng UBND thị xã Đ thu hồi và bồi thường cho hộ gia đình ông đối với loại đất màu là không đúng quy định pháp luật. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông Trần Văn L được biết diện tích đất ông bị thu hồi là gồm 02 thửa riêng biệt chứ không phải cùng 01 thửa như ông nhầm lẫn từ trước đến nay, vì vậy, ông bổ sung yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 8390/QĐ-UBND ngày 02/12/2013 của UBND thị xã Đ về việc thu hồi đất của hộ ông Trần L đang sử dụng để thực hiện dự án đầu tư xây dựng xây dựng tuyến đường trục chính Đô thị mới N – Đ (ĐT 603 nối dài, giai đoạn 2) tại Đô thị mới N- Đ, thị xã Đ;

- Hủy Quyết định số 4069/QĐ-UBND ngày 19/6/2015 của UBND thị xã Đ về việc bồi thường, hỗ trợ chi tiết cho hộ ông (bà) Trần L để giải phóng mặt bằng dự án xây dựng tuyến đường trục chính Đô thị mới N – Đ (ĐT 603 nối dài, giai đoạn 2) tại Đô thị mới N- Đ, thị xã Đ;

- Hủy Quyết định số 169/QĐ-UBND ngày 20/6/2018 của Chủ tịch UBND phường Đ về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Trần Văn L, trú tại khối phố N, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam;

- Hủy Quyết định số 11109/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Đ về việc giải quyết khiếu nại lần hai của ông Trần Văn L, trú tại: Khối phố N, phường Đ;

- Hủy Quyết định số 6188/QĐ-UBND ngày 15/8/2018 của UBND thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam về việc thu hồi đất nông nghiệp UBND phường quản lý, hộ ông Trần Văn L đang sử dụng để thực hiện dự án Khu đô thị X tại Đô thị mới N – Đ, phường Đ, thị xã Đ;

- Hủy Quyết định số 8831/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 của UBND thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam về việc bồi thường chi tiết cho hộ ông Trần Văn L để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Khu đô thị X tại Đô thị mới N – Đ, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam;

- Buộc Ủy ban nhân dân thị xã Đ ban hành quyết định thu hồi đất và quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với diện tích 368m^2, thuộc thửa đất số 701, tờ bản đồ số 01 tại phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam cho hộ gia đình ông theo đúng quy định pháp luật.

- Buộc Ủy ban nhân dân thị xã Đ ban hành quyết định thu hồi đất và quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với diện tích 368m^2, thuộc thửa đất số 701, tờ bản đồ số 01 và diện tích 82,2m^2 tại thửa đất số 13, tờ bản đồ số 04 tại phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam theo loại đất ở cho hộ gia đình ông theo đúng quy định pháp luật.

Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch và UBND thị xã Đ trình bày:

- Việc ban hành Quyết định số 8390/QĐ-UBND ngày 02/12/2013 của

UBND huyện Đ (nay là thị xã Đ):

Thực hiện Thông báo số 434/TB-UBND ngày 22/11/2011 của UBND tỉnh Quảng Nam về Chủ trương thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng tuyến đường trục chính Đô thị mới N - Đ (ĐT 603 nối dài), xã Đ, huyện Đ. Trung tâm Giải phóng mặt bằng và Môi trường đô thị trực thuộc BQL phát triển Đô thị mới N - Đ trước đây đã phối hợp cùng UBND xã Đ (nay là phường Đ) và các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai công tác trích đo địa chính tỷ lệ 1/1000 hiện trạng ảnh hưởng của dự án.

Căn cứ kết quả trích đo của dự án (trong đó có hộ gia đình ông Trần L ảnh hưởng tại thửa đất theo hiện trạng sử dụng của dự án là thửa đất số 13; tờ bản đồ số 4; diện tích: 82,2m^2; loại đất: đất trồng cây hằng năm và hộ gia đình ông L đã ký xác nhận kết quả trích đo) đã được cấp có thẩm quyền thẩm tra, phê duyệt. Ngày 09/10/2013, UBND xã Đ đã có Tờ trình số 228/TTr-UBND và Phòng Tài nguyên và Môi trường đã có Tờ trình số 844/TTr-TNMT ngày 20/11/2013 về việc đề nghị thu hồi đất (đất ghi trong GCN) và thu quyền sử dụng đất (đất khai hoang) của các hộ gia đình, cá nhân ảnh hưởng dự án.

Trên cơ sở các hồ sơ thủ tục và đề nghị của các cơ quan, đơn vị có liên quan. Ngày 02/12/2013, UBND huyện Đ đã ban hành Quyết định số 8390/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của hộ ông Trần L (Trần Văn L) để đầu tư xây dựng tuyến đường ĐT 603 nối dài là đúng theo quy định.

- Việc ban hành Quyết định số 4069/QĐ-UBND ngày 19/6/2015 của UBND thị xã Đ:

Căn cứ Quyết định số 646/QĐ-UBND ngày 26/02/2014 của UBND tỉnh Quảng Nam về phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng dự án đầu tư xây dựng tuyến đường trục chính Đô thị mới N - Đ (ĐT603 nối dài, giai đoạn 2) thuộc Đô thị mới N - Đ.

Căn cứ Quyết định thu hồi đất của các hộ gia đình, cá nhân kèm theo (trong đó có Quyết định thu hồi đất của hộ ông Trần L). Ngày 12/6/2015 Trung tâm Giải phóng mặt bằng và Môi trường đô thị thuộc BQL phát triển Đô thị mới N - Đ ban hành Tờ trình số 23/TTr-TTGPMB về việc đề nghị ban hành Quyết định bồi thường, hỗ trợ GPMB chi tiết cho các hộ gia đình cá nhân ảnh hưởng dự án đầu tư xây dựng tuyến đường trục chính Đô thị mới N - Đ (ĐT603 nối dài, giai đoạn 2) thuộc Đô thị mới N - Đ (trong đó có hộ ông Trần L).

Trên cơ sở Tờ trình số 23/TTr-TTGPMB ngày 12/6/2015 của Trung tâm Giải phóng mặt bằng và Môi trường đô thị thuộc BQL phát triển Đô thị mới N - Đ. Ngày 19/6/2015, UBND thị xã Đ ban hành Quyết định số 4069/QĐ-UBND về việc BT-HT chi tiết cho hộ gia đình ông Trần L để GPMB xây dựng dự án ĐT 603 nối dài - giai đoạn 2 là phù hợp với quy định.

- Việc ban hành Quyết định số 6188/QĐ-UBND ngày 15/8/2018 của UBND thị xã Đ:

Thực hiện Thông báo số 276/TB-UBND ngày 06/6/2018 của UBND thị

xã Đ về thu hồi đất để thực hiện đầu tư xây dựng dự án Khu đô thị X, tại đô thị mới N - Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

Căn cứ kết quả trích đo của dự án, kèm phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất có chữ ký xác nhận của hộ gia đình và cán bộ đơn vị đo đạc, (trong đó có hộ gia đình ông Trần Văn Lục ảnh hưởng tại thửa đất theo hiện trạng sử dụng của dự án là thửa đất số 701; tờ bản đồ số 01; diện tích: 368m^2; loại đất: đất trồng cây hằng năm đã được cấp có thẩm quyền thẩm tra, phê duyệt. Ngày 11/7/2018, UBND phường Đ ban hành Tờ trình số 216/TTr-UBND đề nghị thu hồi đất nông nghiệp đối với các hộ gia đình cá nhân ảnh hưởng dự án Khu đô thị X tại phường Đ.

Sau khi xem xét nội dung Tờ trình cùng hồ sơ kèm theo của UBND phường Đ. Ngày 23/7/2018, Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã ban hành Tờ trình số 1888/TTr-TNMT về việc đề nghị thu hồi đất nông nghiệp của các hộ gia đình, cá nhân ảnh hưởng dự án (trong đó có thửa đất của ông Trần Văn L).

Trên cơ sở các hồ sơ thủ tục và đề nghị của các cơ quan, đơn vị có liên quan. Ngày 15/8/2018, UBND thị xã Đ ban hành Quyết định số 6188/QĐ-UBND về việc thu hồi đất nông nghiệp UBND phường quản lý, hộ ông (bà) Trần Văn L đang sử dụng để thực hiện dự án Khu đô thị X tại phường Đ, thị xã Đ là theo quy định.

- Việc ban hành Quyết định số 8831/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 của UBND thị xã Đ:

Căn cứ Quyết định số 6269/QĐ-UBND ngày 15/8/2018 của UBND thị xã Đ về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng dự án Khu đô thị X tại Đô thị mới N - Đ, phường Đ, thị xã Đ.

Căn cứ Quyết định thu hồi đất của các hộ gia đình, cá nhân kèm theo (trong đó có Quyết định thu hồi đất của hộ ông Trần Văn L). Ngày 17/8/2018 Trung tâm Phát triển quỹ đất thị xã Đ ban hành Tờ trình số 358/TTr-PTQĐ về việc đề nghị ban hành Quyết định bồi thường, hỗ trợ GPMB chi tiết cho các hộ gia đình cá nhân ảnh hưởng dự án Khu đô thị X (trong đó có hộ ông Trần Văn L).

Trên cơ sở Tờ trình số 358/TTr-PTQĐ ngày 17/8/2018 của Trung tâm Phát triển quỹ đất thị xã. Ngày 26/10/2018, UBND thị xã Đ ban hành Quyết định số 8831/QĐ-UBND về việc bồi thường chi tiết cho hộ ông (bà) Trần L (Trần Văn L) để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Khu đô thị X tại đô thị mới N - Đ, phường Đ, thị xã Đ là phù hợp với quy định.

- Về việc ban hành Quyết định số 11109/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của Chủ tịch UBND thị xã Đ về việc giải quyết khiếu nại lần 2 của ông Trần Văn L, trú tại khối phố N, phường Đ:

Sau khi thực hiện đo đạc hiện trạng và xác định mục đích sử dụng đất theo hiện trạng của từng hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc dự án, UBND phường Đ niêm yết công khai cho tất cả tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc dự án

theo dõi và khiếu nại, kiến nghị nếu không đồng ý với kết quả đo đạc và mục đích sử dụng đất được niêm yết.

Trong thời gian niêm yết của UBND phường Đ về đo đạc hiện trạng và xác định mục đích sử dụng đất theo hiện trạng của từng hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc dự án X. Ngày 06/4/2018, ông Trần Văn L không đồng ý với loại đất được UBND phường Đ xác nhận cho hộ ông và ông gửi đơn đến Chủ tịch UBND thị xã Đ. Xét thấy, ông Trần Văn L khiếu nại đối với việc xác nhận loại đất không đúng của UBND phường Đ nên UBND thị xã ban hành Công văn số 615/UBND ngày 17/4/2018 chuyển đơn khiếu nại của ông Trần Văn L đến Chủ tịch UBND phường Đ để giải quyết lần đầu theo thẩm quyền. Trong đơn, ông Trần Văn L khiếu nại 05 nội dung, trong đó có nội dung khiếu nại về việc "Công nhận 367,9m^2 tại thửa đất số 282, tờ bản đồ số 05 theo Hồ sơ 64 là đất nhà thờ".

Ngày 20/6/2018, Chủ tịch UBND phường Đ ban hành Quyết định số 169/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Trần Văn L, trú tại khối phố N, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam. Theo đó, Chủ tịch UBND phường Đ không chấp nhận nội dung khiếu nại trên của ông Trần Văn L vì ông không kê khai, đăng ký sử dụng của các thời kỳ và hiện trạng sử dụng là không có nhà ở và nhà thờ trên đất.

Với kết quả giải quyết trên, ngày 26/7/2018, ông Trần Văn L không đồng ý nên tiếp tục gửi đơn khiếu nại lần hai đến Chủ tịch UBND thị xã Đ theo quy định của pháp Luật khiếu nại. Ngày 07/8/2018, UBND thị xã thụ lý đơn khiếu nại của ông L bằng Thông báo số 385/TB-UBND.

Trong quá trình giải quyết khiếu nại lần hai, ngày 15/8/2018, UBND thị xã Đ ban hành Quyết định số 6188/QĐ-UBND ngày 15/8/2018 về việc thu hồi đất nông nghiệp UBND phường Đ quản lý, hộ ông Trần Văn L đang sử dụng để thực hiện dự án Khu đô thị X tại phường Đ, thị xã Đ. Theo Điểm c, Khoản 2, Điều 12 Luật Khiếu nại năm 2011 quy định nghĩa vụ của người khiếu nại là phải chấp hành quyết định hành chính, hành vi hành chính mà mình khiếu nại trong thời gian khiếu nại, trừ trường hợp quyết định, hành vi đó bị tạm đình chỉ thi hành theo yêu cầu của người khiếu nại để ngăn chặn hậu quả có thể xảy ra do việc thi hành quyết định hành chính bị khiếu nại. Ông Trần Văn L không có yêu cầu tạm đình chỉ việc thi hành kết quả xác nhận loại đất của UBND phường Đ; vì vậy, UBND thị xã ban hành Quyết định thu hồi đất trong quá trình giải quyết khiếu nại cho ông Trần Văn L là đúng pháp luật. Như vậy, trong thời gian thực hiện niêm yết tại phường, ông Trần Văn L khiếu nại lần đầu đối với việc xác nhận loại đất của UBND phường Đ mà hộ ông đang sử dụng. Sau đó, không đồng ý với kết quả giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND phường Đ nên ông L khiếu nại lần hai đến Chủ tịch UBND thị xã. Theo đó, trình tự, thủ tục thụ lý, giải quyết đơn khiếu nại của ông Trần Văn L là đúng pháp luật.

Kết quả kiểm tra hồ sơ được lập theo Chỉ thị số 299/TTg ngày 10/11/1980 của Thủ tướng Chính phủ về công tác đo đạc, phân hạng và đăng ký ruộng đất trong cả nước (sau đây gọi tắt là Hồ sơ 299), tại xã Đ (nay là phường Đ), diện

tích này nguyên trước đây là một phần của thửa đất số 321, tờ bản đồ số 05, loại đất màu, không có tên chủ sử dụng đất. Kết quả kiểm tra hồ sơ được lập theo Nghị định số 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ ban hành bản Quy định về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp (sau đây gọi tắt là Hồ sơ 64), diện tích này là một phần thửa đất số 282, tờ bản đồ số 05, loại đất rừng trồng do UBND phường Đ quản lý. Như vậy, đối với diện tích đất đang khiêu nại, hộ ông Trần Văn L không kê khai, đăng ký qua các thời kỳ nên tại thời điểm năm 1998, hộ ông L không được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên.

Theo Hồ sơ đo đạc để thực hiện công tác giải phóng mặt bằng vào tháng 5/2018 thì diện tích này là thửa số 701, tờ bản đồ số 01, diện tích 368m^2, loại đất trồng cây hàng năm khác do ông Trần Văn L sử dụng. Hồ sơ này đã được Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã thẩm tra, công nhận hiện trạng và mục đích sử dụng.

Theo xác nhận của UBND phường Đ, diện tích đất này trước năm 1975 thuộc quyền sử dụng của bà Lê Thị Đ (bà nội của ông Trần Văn L) và sau năm 1975 đến nay không có nhà ở, nhà thờ trên đất. Từ thời điểm đó cho đến nay, trên thửa đất không có nhà thờ hay nhà ở nào. Điều này phù hợp với Biên bản kê khai, kiểm đếm hiện trạng của hộ gia đình ông Trần Văn L ngày 20/6/2018 để phục vụ dự án Khu đô thị X; vì trong Biên bản thể hiện không có nhà ở, công trình xây dựng, vật kiến trúc nào trên đất mà chỉ có rau thơm, đã được ông Trần Văn L cùng những người có liên quan ký xác nhận. Theo Biên bản làm việc với Thanh tra thị xã ngày 23/8/2018 thì ông L cũng trình bày thửa đất này là của bà nội ông đã xây nhà từ thời kỳ Pháp thuộc; đến năm 1974 thì nhà bị giặc đốt phá, chỉ còn lại nền móng trên thửa đất cho đến nay. Như vậy, qua kết quả kiểm tra xác minh và kết quả làm việc với ông Trần Văn L thì từ khoảng năm 1975 cho đến nay, trên thửa đất này không có nhà thờ.

Căn cứ Khoản 5, Điều 100 Luật Đất đai năm 2013 và Khoản 1, Điều 3 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai quy định việc xác định loại đất đối với trường hợp sử dụng đất không có giấy tờ quy định tại các Khoản 1, 2 và 3 Điều 11 của Luật Đất đai thì trường hợp thửa đất số 701, tờ bản đồ số 01, diện tích 368m^2 mà ông Trần Văn L đang khiếu nại thì từ năm 1975 cho đến nay, trên thửa đất không có công trình là đình, đền, miếu, am, từ đường, nhà thờ họ nên không có cơ sở để công nhận diện tích trên thuộc loại đất tín ngưỡng (đất nhà thờ) mà chỉ công nhận là đất nông nghiệp theo hiện trạng sử dụng.

Trên cơ sở đó, ngày 28/12/2018, Chủ tịch UBND thị xã ban hành Quyết định số 11109/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần hai của ông Trần Văn L trú tại khối phố N, phường Đ, trong đó không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông Trần Văn L vì theo kết quả kiểm tra, xác minh cho thấy từ thời điểm năm 1975 cho đến nay, trên thửa đất không có công trình là đình, đền, miếu, am, từ đường, nhà thờ họ nên không có cơ sở để công nhận diện tích trên thuộc loại đất tín ngưỡng (đất nhà thờ) theo Khoản 5, Điều 100 Luật Đất đai năm 2013 và

theo Khoản 1, Điều 3 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

Như vậy, đơn khiếu nại của ông Trần Văn L đã được Chủ tịch UBND thị xã Đ giải quyết đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Khiếu nại năm 2011.

- Về việc ông Trần L (Trần Văn L) không nhận các Quyết định số 6188/QĐ-UBND ngày 15/8/2018 và Quyết định số 8831/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 của UBND thị xã Đ; hồ sơ niêm yết công khai các Quyết định này:

Sau khi UBND thị xã ban hành Quyết định số 6269/QĐ-UBND ngày 15/8/2018 của UBND thị xã Đ về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng dự án Khu đô thị X, tại Đô thị mới N - Đ, phường Đ, thị xã Đ. Trung tâm Phát triển quỹ đất thị xã ban hành Thông báo số 64/TB-PTQĐ ngày 17/8/2018 về việc niêm yết công khai Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB dự án Khu đô thị X, tại Đô thị mới N - Đ. Địa điểm niêm yết: Trụ sở Ủy ban nhân dân phường Đ và Nhà văn hóa khối phố G. Dưới sự chứng kiến của Chính quyền địa phương, Ban nhân dân khối phố, Chủ đầu tư và đại diện các hộ gia đình có đất bị thu hồi (Kèm theo Thông báo 64/TB-PTQĐ và Biên bản niêm yết công khai và danh sách đính kèm).

Sau khi ban hành Thông báo niêm yết, ngày 22/8/2018 Trung tâm Phát triển Quỹ đất thị xã phối hợp cùng với UBND phường, UBMTTQVN và các bạn ngành đoàn thể phường Đ, Chủ đầu tư tổ chức họp công khai phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB đối với các hộ dân ảnh hưởng trong vùng dự án (có biên bản họp công khai và chữ ký xác nhận của các thành phần dự họp, đại diện các hộ gia đình ảnh hưởng dự án kèm theo).

Các Quyết định thu hồi đất và Quyết định bồi thường chi tiết của hộ gia đình, cá nhân ảnh hưởng trong vùng dự án sau khi được UBND thị xã ban hành Trung tâm Phát triển quỹ đất thị xã phối hợp cùng Chủ đầu tư, Ban nhân dân - khối phố G trao tận tay đến người có đất bị thu hồi và có danh sách ký nhận kèm theo. Riêng đối với trường hợp ông Trần Văn L và một trường hợp khác không đồng ý nhận các Quyết định nêu trên nên Trung tâm Phát triển Quỹ đất thị xã cùng với Chủ đầu tư và Ban nhân dân khối phố tiến hành lập Biên bản xác nhận việc bàn giao không thành (có biên bản kèm theo).

- Về xác định diện tích đất 82,2m^2 tại thửa đất số 13, tờ bản đồ số 4 và diện tích 368m^2 tại thửa đất số 701, tờ bản đồ số 1 có cùng thửa đất số 282, tờ bản đồ số 5 tại phường Đ hay không:

Qua kiểm tra hồ sơ đo đạc và quy chủ Dự án xây dựng tuyến đường trục chính Đô thị mới N - Đ (ĐT 603 nối dài giai đoạn 2), đối chiếu trên bản đồ theo Nghị định 64/CP, phần diện tích đất 82,2m^2 tại thửa đất số 13, tờ bản đồ số 04 nằm trong một phần thửa đất số 592/4, tờ bản đồ số 01. Thửa đất số 701, tờ bản đồ số 01 nằm trong thửa đất số 282, tờ bản đồ số 05. Như vậy, thửa đất số 13, tờ bản đồ số 04 và thửa đất số 701, tờ bản đồ số 01 không nằm chung trong thửa đất số 282, tờ bản đồ số 05.

Qua kiểm tra hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đất lưu trữ tại phường Đ thì ông Trần Hương Đ và bà Lê Thị Đ không có đăng ký, kê khai thửa đất nào.

Do đó, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án, người bị kiện Chủ tịch UBND phường Đ, thị xã Đ trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 282, tờ bản đồ 05, diện tích 3.340m^2 do bà Lê Thị Đ sử dụng từ trước năm 1975. Tuy nhiên, sau giai đoạn này do UBND xã quản lý và thuộc quỹ đất công ích 5%. Hiện nay, Hợp tác xã III Đ đã giải thể và không còn hồ sơ lưu trữ liên quan đến tài sản của HTX III nên UBND phường không thể xác định được phần đất nêu trên có đưa vào tài sản Hợp tác xã hay không. Qua kiểm tra hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đất lưu trữ tại phường Đ thì ông Trần Hương Đ và bà Lê Thị Đ không có đăng ký, kê khai thửa đất nào. Việc giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND phường Đ đối với ông Trần Văn L phù hợp với quy định pháp luật. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thị L trình bày: Bà thống nhất với trình bày của ông Trần Văn L. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 55/2021/HC-ST ngày 05/8/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn L về việc *"Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai "*.

Huỷ Quyết định giải quyết khiếu nại số 169/QĐ-UBND ngày 20/6/2018 của Chủ tịch UBND phường Đ và Quyết định giải quyết khiếu nại số 11109/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của Chủ tịch UBND thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn L về việc: "Hủy Quyết định số 8390/QĐ-UBND ngày 02/12/2013 và Quyết định số 4069/QĐ-UBND ngày 19/6/2015, Quyết định số 6188/QĐ-UBND ngày 15/8/2018 và Quyết định số 8831/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 của UBND thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam; buộc Ủy ban nhân dân thị xã Đ ban hành quyết định thu hồi đất và quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với diện tích 368m^2, thuộc thửa đất số 701, tờ bản đồ số 01 và diện tích 82,2m^2 tại thửa đất số 13, tờ bản đồ số 04 tại phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam theo loại đất ở cho hộ gia đình ông theo đúng quy định pháp luật".

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn L về việc buộc Ủy ban nhân dân thị xã Đ ban hành quyết định thu hồi đất và quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với diện tích 368m^2, thuộc thửa đất số 701, tờ bản đồ số 01 phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

Ngày 14 tháng 8 năm 2021,ông Trần Văn L kháng cáo một phần bản án hành chính sơ thẩm số 55/2021/HC-ST ngày 5/8/2021 của TAND tỉnh Quảng Nam, ông cho rằng giá trị đất thu hồi phải được bồi thường theo đất ở theo bảng giá đất ở khu đô thị phường Đ của tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2020-2024; Quyết định 8390/QĐ-

UBND ngày 2/12/2013 của UBND thị xã Điện bàn thu hồi 82,2m^2 theo giá đất màu: 45.000 VND/m^2 ; Quyết định hợp thức hoá số 6188/QĐ-UBND ngày 15/8/2015 thu hồi đất nông nghiệp, Quyết dịnh 8831/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 về bồi thường đất nông nghiệp là không đúng. Do đó, ông đề nghị Toà án cáp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của người khởi kiện, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, huỷ các quyết định hành chính bị khởi kiện của Ủy ban nhân dân thị xã Đ.

Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng Thẩm phán chủ toạ và Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng hành chính.Về nội dung vụ án, đương sự kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì mới; diện tích đất trong 4 quyết định hành chính này ông Trần Văn L không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh là đất nhà ở, đất nhà thờ, do đó Toà án cấp sơ thẩm đã giải quyết vụ án có căn cứ và đúng pháp luật; kháng cáo của người khởi kiện không có căn cứ. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác toàn bộ kháng cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng; xem xét ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp người khởi kiện và quan điểm của Viện kiểm sát; sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, người khởi kiện giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và người kháng cáo giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Do bên bị kiện vắng mặt nên không tiến hành đối thoại được, Toà án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết.

Người khởi kiện Trần Văn L yêu cầu Toà án cấp sơ thẩm xem xét:

- Hủy Quyết định số 8390/QĐ-UBND ngày 02/12/2013 của UBND thị xã Đ về việc thu hồi đất của hộ ông Trần L đang sử dụng để thực hiện dự án đầu tư xây dựng xây dựng tuyến đường trục chính Đô thị mới N – Đ (ĐT 603 nối dài, giai đoạn 2) tại Đô thị mới N- Đ, thị xã Đ;

- Hủy Quyết định số 4069/QĐ-UBND ngày 19/6/2015 của UBND thị xã Đ về việc bồi thường, hỗ trợ chi tiết cho hộ ông (bà) Trần L để giải phóng mặt bằng dự án xây dựng tuyến đường trục chính Đô thị mới N – Đ (ĐT 603 nối dài, giai đoạn 2) tại Đô thị mới N- Đ, thị xã Đ;

- Hủy Quyết định số 169/QĐ-UBND ngày 20/6/2018 của Chủ tịch UBND phường Đ về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Trần Văn L, trú tại khối phố N, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam;

- Hủy Quyết định số 11109/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Đ về việc giải quyết khiếu nại lần hai của ông Trần Văn L, trú tại: Khối phố N, phường Đ;

- Hủy Quyết định số 6188/QĐ-UBND ngày 15/8/2018 của UBND thị xã Đ về việc thu hồi đất nông nghiệp UBND phường quản lý, hộ ông Trần Văn L đang sử dụng để thực hiện dự án Khu đô thị X tại phường Đ, thị xã Đ.

- Hủy Quyết định số 8831/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 của UBND thị xã Đ về việc bồi thường chi tiết cho hộ ông Trần L (Trần Văn L) để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Khu đô thị X tại đô thị mới N – Đ, phường Đ, thị xã Đ.

- Buộc UBND thị xã Đ ban hành Quyết định thu hồi đất và quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với diện tích 368m^2, thuộc thửa đất số 701, tờ bản đồ số 01 và diện tích 82,2m^2 tại thửa đất số 13, tờ bản đồ số 4 tại phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam theo loại đất ở cho hộ gia dình ông theo quy định pháp luật.

Đây là các quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, thuộc đối tường khởi kiện của vụ án hành chính và người khởi kiện nộp đơn khởi kiện trong thời hiệu, do đó Toà án cấp sơ thẩm thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền và thời hiệu được quy định tại các Điều 30, 32, Điều 116 Luật tố tụng hành chính. (Đối với yêu cầu mà người khởi kiện đã rút yêu cầu và Toà án cấp sơ thẩm đã đình chỉ, không có kháng cáo, kháng nghị nên Toà án cấp phúc thẩm không xem xét).

[3] Xét nội dung kháng cáo của ông Trần Văn L, yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, huỷ các quyết định số 8390/QĐ-UBND, số 4069/QĐ -UBND, số 6188/QĐ-UBND, số 8831/QĐ-UBND của UBND thị xã Đ, vì các quyết định này bồi thường theo đất trồng cây hàng năm là không đúng; Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[3.1] Xét Quyết định số 8390/QĐ-UBND ngày 02/12/2013 và Quyết định số 4069/QĐ-UBND ngày 19/6/2015 của UBND thị xã Đ thì thấy:

Thửa đất số 13, tờ bản đồ số 04, diện tích 82,2m^2 theo hồ sơ 64/CP là một phần thửa đất số 592/4, tờ bản đồ số 01, diện tích 368m^2, loại đất màu do UBND phường Đ quản lý, ông Trần Văn L sử dụng. Ông Trần Văn L đề nghị UBND thị xã Đ xem xét thu hồi và bồi thường đối với loại đất ở thửa số 13, nhưng ông L không đăng ký, kê khai qua các thời kỳ và không có chứng cứ chứng minh mục đích sử dụng đất là đất ở hoặc đất nhà thờ. Do đó, việc UBND thị xã Đ thu hồi thửa đất số 13, tờ bản đồ số 04, diện tích 82,2m^2 loại đất màu (đất trồng cây hằng năm) là có căn cứ.

Tại thời điểm thu hồi, trên thửa đất có rau thơm trên toàn bộ diện tích 82,2m^2 và 09 cây bạch đàn, dương liễu. UBND thị xã Đ đã bồi thường theo giá đất của loại đất trồng cây hằng năm 45.000 đồng/m^2 ở vị trí 2 là đúng theo Quyết định số 32/2012/QĐ-UBND ngày 20/12/2012 ban hành quy định về giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Nam năm 2013 và bồi thường đối với tài sản trên đất đúng và đầy đủ theo Quyết định số 30/2013/QĐ-UBND ngày 22/11/2013 và Phụ lục ban hành kèm Quyết định số 14/2013/QĐ-UBND ngày 26/6/2013 của UBND tỉnh Quảng Nam.

Theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 69 Luật đất đai năm 2013, UBND thị xã Đ phải ban hành Quyết định bồi thường, hỗ trợ trong cùng một ngày với Quyết định thu hồi đất ngày 02/12/2013, nhưng đến ngày 19/6/2015 UBND thị xã mới ban hành Quyết định bồi thường, hỗ trợ cho ông Trần Văn L là không đúng, nhưng không gây thiệt hại cho ông Trần Văn L nên UBND thị xã Đ cần rút kinh nghiệm.

Do đó, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm bác phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn L về việc hủy Quyết định số 8390/QĐ-UBND ngày 02/12/2013 và Quyết định số 4069/QĐ-UBND ngày 19/6/2015 của UBND thị xã Đ là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3.2] Xét Quyết định số 6188/QĐ-UBND ngày 15/8/2018 và Quyết định số 8831/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 của UBND thị xã Đ thì thấy:

Ông Trần Văn L cho rằng loại đất thu hồi và bồi thường của 02 Quyết định này không đúng với thực tế sử dụng đất của gia đình ông, vì ông Trần Hương Đ và bà Lê Hương Đ đã sử dụng thửa đất số 701 từ trước năm 1975, có nhà ở trên đất và là căn cứ cách mạng kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ. Ông L cũng thừa nhận, sau năm 1975 ngôi nhà đã bị phá hủy do chiến tranh, chỉ còn móng nhà trên đất, được những người sống cùng thời làm chứng. Tuy nhiên, từ khi ông bà Hương Đ chết, ông Trần Văn L không đăng ký, kê khai thửa đất này qua các thời kỳ; ông L cho rằng thửa đất là tài sản tư hữu của ông bà Hương Đ, không bị đưa vào Hợp tác xã sản xuất, nhưng ngoài lời khai của người làm chứng thì không cung cấp được giấy tờ thể hiện sự quản lý về mặt pháp lý đối với thửa đất của gia đình ông. Mặt khác, pháp luật Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam không thừa nhận quyền tư hữu về đất đai. Qua các thời kỳ thực hiện chính sách quản lý đất đai, ông Trần Văn L không thực hiện trách nhiệm đăng ký, kê khai hay thực hiện nghĩa vụ nộp thuế với nhà nước để làm căn cứ xác lập quyền sử dụng đất ở/ đất nhà thờ của mình (theo xác minh tại Chi cục Thuế khu vực D - Đ, BL 446). Theo hồ sơ quản lý đất đai: Diện tích 368m^2 tại thửa 701, tờ bản đồ số 01 thuộc một phần thửa 321, tờ bản đồ số 05, loại đất màu, không có tên chủ sử dụng đất theo hồ sơ kê khai 299/TTg; theo hồ sơ 64/CP thì thửa đất này thuộc một phần thửa đất số 282, tờ bản đồ số 05, loại đất rừng trồng cho UBND phường Đ quản lý. Hơn nữa, việc sử dụng đất của ông Trần Văn L không được coi là sử dụng đất liên tục vào một mục đích chính nhất định kể từ thời điểm bắt đầu sử dụng đất vào mục đích đó đến thời điểm có quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền do hiện nay trên đất thực tế không có nhà ở làm nơi sinh sống hay nhà thờ của ông Trần Văn L. Theo xác minh của Tòa án và lời khai của ông Trần Văn L tại phiên tòa, các thửa đất ở chung quanh thửa 701 của ông L đều đã được xác lập, riêng thửa đất của ông L từ khi nhà của ông bà Hương Đ bị tàn phá do chiến tranh đến nay không được dựng lại, không được tiếp tục sử dụng vào mục đích làm nhà ở hoặc nhà thờ. Ông Trần Văn L trình bày, dưới lòng đất khi san ủi mặt bằng có nền móng nhà đã có từ lâu còn sót lại, điều này được người san ủi là ông Trần Văn Quốc xác nhận, tuy nhiên, trên thực tế ông Trần Văn L không sử dụng để ở từ sau năm 1973 đến nay, đồng thời, không đăng ký, kê khai loại đất ở hay đất nhà thờ đối

với thửa đất này. UBND thị xã Đ đã ban hành Quyết định thu hồi và bồi thường đúng quy định pháp luật.

Đối với thửa đất số 13, tờ bản đồ số 04, diện tích 82,2m^2, khi thu hồi đất, UBND thị xã Đ đã xác định loại đất cây hằng năm theo đúng hiện trạng; ông Trần Văn L cũng không đăng ký, kê khai qua các thời kỳ và không cung cấp được chứng cứ chứng minh thửa đất này là đất ở như đã nêu trên. Do đó, yêu cầu được thu hồi và bồi thường đối với loại đất ở của ông Trần Văn L đối với thửa đất số 13, tờ bản đồ số 04 và thửa 701, tờ bản đồ số 01 là không có cơ sở.

Do đó, Toà án cấp sơ thẩm xử bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn L về việc: "Hủy Quyết định số 6188/QĐ-UBND ngày 15/8/2018 và Quyết định số 8831/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 của UBND thị xã Đ; buộc Ủy ban nhân dân thị xã Đ ban hành quyết định thu hồi đất và quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với diện tích 368m^2, thuộc thửa đất số 701, tờ bản đồ số 01 và diện tích 82,2m^2 tại thửa đất số 13, tờ bản đồ số 04 tại phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam theo loại đất ở cho hộ gia đình ông theo đúng quy định pháp luật", là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Từ những phân tích, nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng Toà án cấp sơ thẩm xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Trần Văn L, huỷ Quyết định số 169/QĐ-UBND ngày 20/6/2018 của Chủ tịch UBND phường Đ và Quyết định giải quyết khiếu nại số 11109/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của Chủ tịch UBND thị xã Đ (nội dung này ông L không kháng cáo); bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn L về việc: "Hủy Quyết định số 8390/QĐ-UBND ngày 02/12/2013 và Quyết định số 4069/QĐ-UBND ngày 19/6/2015, Quyết định số 6188/QĐ-UBND ngày 15/8/2018 và Quyết định số 8831/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 của UBND thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam; buộc Ủy ban nhân dân thị xã Đ ban hành quyết định thu hồi đất và quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với diện tích 368m^2, thuộc thửa đất số 701, tờ bản đồ số 01 và diện tích 82,2m^2 tại thửa đất số 13, tờ bản đồ số 04 tại phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam theo loại đất ở cho hộ gia đình ông theo đúng quy định của pháp luật", là có căn cứ và đúng pháp luật. Ông L kháng cáo nhưng không có chứng cứ nào mới làm thay đổi bản chất vụ án. Do đó, cấp phúc thẩm bác kháng cáo của ông Trần Văn L, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà phúc thẩm.

Về án phí hành chính phúc thẩm: Tuy yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn L không được chấp nhận nhưng ông L là người cao tuổi nên được miễn án phí phúc thẩm theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH về án phí, lệ phí Toà án.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính: Bác kháng cáo của ông Trần văn L, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào khoản 1 và 2 Điều 3, Điều 116, khoản 1 Điều 168, Điều 173, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 193 và Điều 348 Luật tố tụng hành chính năm 2015; Điều 17, 18, 28 Luật Khiếu nại năm 2011; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn L về việc *"Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai "*.

Huỷ Quyết định giải quyết khiếu nại số 169/QĐ-UBND ngày 20/6/2018 của Chủ tịch UBND phường Đ và Quyết định giải quyết khiếu nại số 11109/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của Chủ tịch UBND thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn L về việc: "Hủy Quyết định số 8390/QĐ-UBND ngày 02/12/2013 và Quyết định số 4069/QĐ-UBND ngày 19/6/2015, Quyết định số 6188/QĐ-UBND ngày 15/8/2018 và Quyết định số 8831/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 của UBND thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam; buộc Ủy ban nhân dân thị xã Đ ban hành quyết định thu hồi đất và quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với diện tích 368m^2, thuộc thửa đất số 701, tờ bản đồ số 01 và diện tích 82,2m^2 tại thửa đất số 13, tờ bản đồ số 04 tại phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam theo loại đất ở cho hộ gia đình ông theo đúng quy định pháp luật".

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn L về việc buộc Ủy ban nhân dân thị xã Đ ban hành quyết định thu hồi đất và quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với diện tích 368m^2, thuộc thửa đất số 701, tờ bản đồ số 01 phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

4. Án phí hành chính sơ thẩm: UBND phường Đ và UBND thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam mỗi bên phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*.

5. Án phí hành chính phúc thẩm: ông Trần Văn L được miễn.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Những người tham gia tố tụng (theo Đ/c)
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Cường